

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên trong Công ty và tranh chấp tài sản chung vợ chồng sau ly hôn.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Ngọc G; sinh năm 1952, địa chỉ: Số nhà B, tổ F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Bà Trần Thị L; sinh năm 1954, địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quyết T, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Vũ Thị P; sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 6, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Chị Vũ Thị H; sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

3. Công ty TNHH T1; địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Ngọc G; Chức vụ: Giám đốc Công ty.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Vũ Ngọc G được sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

1.1. Phần vốn góp chiếm tỷ lệ 50% đứng tên ông Vũ Ngọc G và phần vốn góp 35,714% đứng tên bà Trần Thị L tại Công ty TNHH T1, tổng cộng là 85,714%, tương ứng giá trị 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng), theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH H1 trở lên, Phòng đăng ký kinh

doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cấp đăng ký lần đầu ngày 30/12/2003; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11/6/2021.

1.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 32, diện tích 71,2 m² đất ở đô thị, thuộc tổ F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 29/01/2019 mang tên ông Vũ Ngọc G.

1.3. Ông Vũ Ngọc G có trách nhiệm trả chênh lệch về tài sản chung vợ chồng cho bà Trần Thị L số tiền 5.500.000.000 đồng. Ông G đã trả được 2.550.000.000đ, còn phải trả tiếp 2.950.000.000đ (ông G được sở hữu phần vốn góp nêu trên sau khi đã thanh toán đủ số tiền còn lại 2.950.000.000đ cho bà L).

2. Bà Trần Thị L được sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

2.1. Căn hộ chung cư số 09, tầng 14, diện tích 85,2m² tại Lô C, phường X, quận B, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 104/T14/2010/HĐMBCH-DAICHI ngày 07/12/2010.

2.2. Số tiền 5.500.000.000đ do ông G trả chênh lệch về tài sản (ông G đã trả 2.550.000.000đ, còn phải trả tiếp 2.950.000.000đ)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả. Trường hợp không thỏa thuận được về lãi suất chậm trả thì được xác định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông G và bà L do là người cao tuổi.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hoàng Quý Sửu